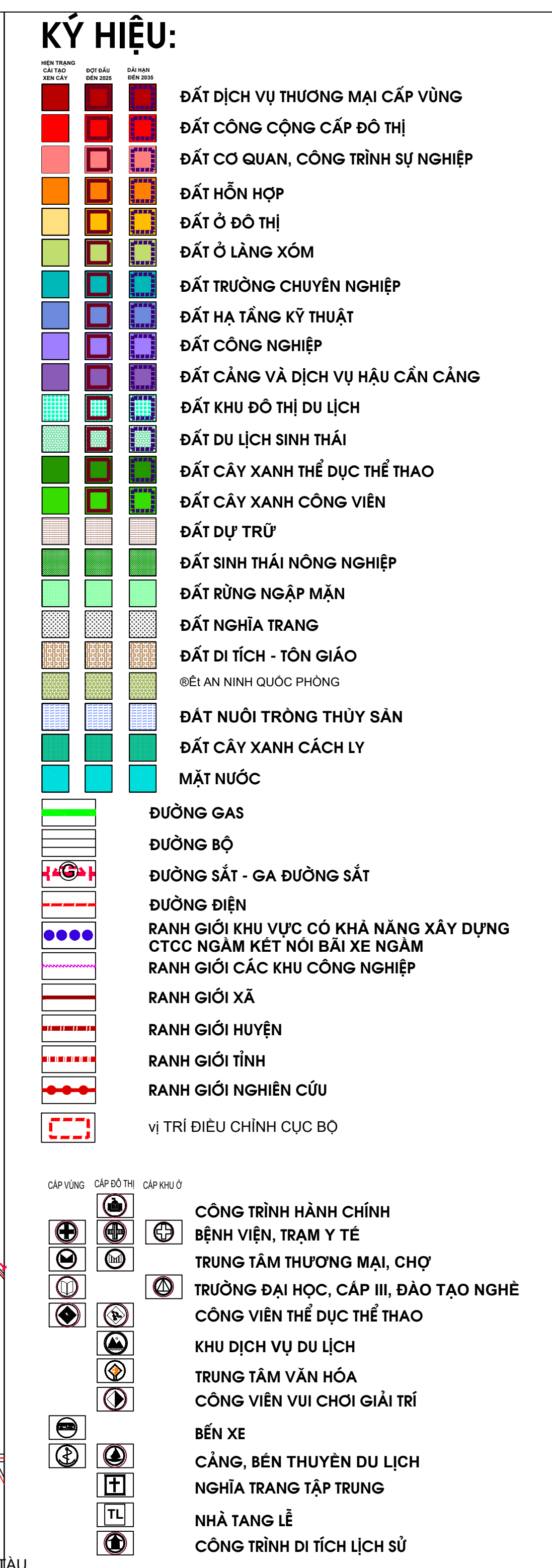
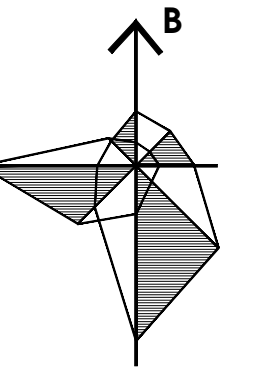


BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT SAU KHI ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ



- CẤP PHÉ DUYỆT:**
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ NGÀY THÁNG NĂM 2020

TT	Hạng mục	Kết quả điều chỉnh các bộ Quốc định và ... QĐ-UBND ngày .../2026		Kết quả điều chỉnh các bộ 2026	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ trên tổng diện tích đất (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ trên tổng diện tích đất (%)
I	Tổng diện tích đất tự nhiên	41.078,00	100	41.078,00	100,00
I.1	Đất xây dựng đô thị	13.019,49	31,7	399,78	32,67
I.1.1	Đất dân dụng	2.337,76	5,7	254,78	2,592,54
-	- Đất các đơn vị	1.517,52	3,7	263,44	1.780,96
-	- Trong đó: Đất đơn vị ở hiện trạng cũ quy hoạch	6,23	0,01	833,98	1,54
-	- Đất chức năng	855,29	2,1	855,29	2,16
-	- Đất công trình công cộng	128,90	0,3	128,90	0,31
-	- Đất cây xanh, thể dục thể thao	160,64	0,39	160,64	0,39
-	- Đất giao thông	530,70	1,3	-8,67	522,03
I.1.2	Đất ngoài dân dụng	10.681,73	25,8	145,01	0,86
-	- Đất khu công nghiệp	3.720,10	9,1	3.720,10	26,36
-	- Đất cơ quan, công trình sự nghiệp	85,10	0,2	85,10	0,21
-	- Đất trường đào tạo	320,00	0,8	320,00	0,78
-	- Đất công trình công cộng - dịch vụ thương mại	274,50	0,7	274,50	0,67
-	- Đất cây xanh, thể dục thể thao	468,90	1,1	468,90	1,14
-	- Đất kho bãi	977,51	2,4	61,69	1.039,21
-	- Đất giao thông đô thị - giao thông đất ngoài	1.690,74	4,1	120,34	1.818,08
-	- Đất khu đô thị du lịch	1.006,00	2,4	1.006,00	2,45
-	- Đất du lịch sinh thái	1.168,25	2,8	-29,69	1.138,56
-	- Đất văn hóa lịch sử	51,20	0,1	-21,14	49,06
-	- Đất công sự hậu cần công	219,40	0,5	-5,19	914,21
II	Đất khác	28.058,51	68,5	-399,78	27.658,73
2.1	Đất an ninh, quốc phòng	2.506,81	6,1	-2,38	2.504,43
2.2	Đất an ninh, quốc phòng	555,30	1,3		555,30
2.3	Đất tôn giáo	54,34	0,1		54,34
2.4	Đất nghĩa trang	97,70	0,2		97,70
2.5	Đất xây dựng sinh thái	1.070,30	2,6	-12,92	1.057,38
2.6	Đất xây dựng khác	1.161,82	2,8	-63,11	1.098,71
2.7	Đất nông nghiệp (đất trồng lúa, trồng cây hàng năm - vườn lùm kê nhà ở, rừng cây lâu năm)	8.122,95	19,8	-89,88	8.033,07
2.8	Đất lâm nghiệp - rừng sản xuất và mặt nước chuyên dùng và các loại đất khác	14.509,29	35,3	-231,50	14.277,79

TÊN BẢN VẼ: **SƠ ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT SAU
KHI ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ**

